

Bản án số: 02/2023/KDTM - ST

Ngày: 12/10/2023

V/v tranh chấp hợp đồng  
chuyển nhượng cổ phần.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Minh Đức

Bà Lý Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Thúy Linh-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:** Ông Đỗ Quang Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 01/2023/KDTM-ST ngày 01/6/2023 về “*Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-KDTM ngày 25/9/2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1968 (*có mặt*)

1.2. Ông Chử Văn Đ, sinh năm 1963 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Xóm Đ, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện Đ, TP Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là bà Nguyễn Thị Phương H

1.3. Anh Lại Văn T, sinh năm 1986 (*có mặt*)

1.4. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988 (*có mặt*)

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội

**2. Bị đơn:** Bà Hoàng Trung T1, sinh năm 1989 (*có mặt*)

Địa chỉ: Tổ A, phường T, TP T, tỉnh Thái Nguyên.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Công ty cổ phần C

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Đ, TP Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Chử Quang T2- Chức vụ: Giám đốc (*có mặt*)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Các đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương H, ông Chử Văn Đ (chồng bà H), chị Nguyễn Thị H1 và anh Lại Văn T (chồng chị H1) trình bày:**

Các ông bà là những cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần C (sau đây viết tắt là Công ty C), có trụ sở tại thôn L, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Ngày 08/4/2020, các ông bà đã cùng nhau chuyển nhượng cổ phần sở hữu của mình tại Công ty C cho bà Hoàng Trung T1 (không phải là cổ đông của công ty C), trú tại tổ A phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể:

- Tại hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐCNCP, bà Nguyễn Thị Phương H đã chuyển nhượng một phần cổ phần sở hữu của mình cho bà Hoàng Trung T1, số lượng 750.000 cổ phần, mệnh giá 10.000VNĐ/cổ phần, loại cổ phần phổ thông. Tổng giá trị chuyển nhượng 7.500.000.000đ (bảy tỷ năm trăm triệu đồng). Thời hạn thanh toán, tại thời điểm hai bên ký hợp đồng này, bên mua thanh toán toàn bộ số tiền.

- Tại Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/HĐCNCP, ngày 08/4/2020, ông Chử Văn Đ đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu tại công ty cho bà Hoàng Trung T1, số lượng 720.000 cổ phần, mệnh giá 10.000VNĐ/cổ phần, loại cổ phần phổ thông. Tổng giá trị chuyển nhượng 7.200.000.000đ (bảy tỷ hai trăm triệu đồng). Thời hạn thanh toán, tại thời điểm hai bên ký hợp đồng này, bên mua thanh toán toàn bộ số tiền.

- Tại Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 03/HĐCNCP và 04/HĐCNCP cùng ngày 08/4/2020, chị Nguyễn Thị H1 và anh Lại Văn T đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu tại Công ty cho bà Hoàng Trung T1, số lượng 30.000 cổ phần/người, mệnh giá 10.000VNĐ/cổ phần, loại cổ phần phổ thông. Tổng giá trị chuyển nhượng 300.000.000đ/người. Thời hạn thanh toán, tại thời điểm hai bên ký hợp đồng này, bên mua thanh toán toàn bộ số tiền.

Sau khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng trên bà H2 Trung Thu sở hữu 1.530.000 cổ phần, trị giá 15.300.000.000đ, chiếm 51% cổ phần tại Công ty C. Ngày 13/4/2020 Hội đồng cổ đông của Công ty C đã quyết định bổ nhiệm bà Hoàng Trung Thu g chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty C. Ngày 20/4/2020, Sở kế hoạch & Đầu tư thành phố H đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7, người đại diện theo pháp luật là ông Chử Quang T2. Tuy nhiên cho đến thời điểm này, bà Hoàng Trung T1 chưa thanh toán bất kỳ một đồng nào cho bà H, ông Đ, chị H1 và anh T, mặc dù bà T1 đã trở thành cổ đông sở hữu 51% cổ phần và đã trở thành chủ tịch HĐQT của Công ty C.

Do vậy các nguyên đơn bà H, ông Đ, chị H1, anh T, khởi kiện yêu cầu bà H2 Trung Thu:

- Trả tiền theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, ngày 08/4/2020. Cụ thể: Thanh toán trả bà Nguyễn Thị Phương H, số tiền 7.500.000.000đ (bảy tỷ năm trăm

triệu đồng), trả ông Chủ Văn Đ, số tiền 7.200.000.000đ (bảy tỷ hai trăm triệu đồng), trả chị Nguyễn Thị H1 và anh Lại Văn T mỗi người là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng)

- Buộc bà H2 Trung Thu phải bồi thường thiệt hại do chậm thanh toán với tổng số tiền 4.590.000.000đ (bốn tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng). Cụ thể, cho bà H là 2.250.000.000đ (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), ông Đ là 2.160.000.000đ (hai tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng), chị H1 và anh T mỗi người là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa các đồng nguyên đơn đều có đề nghị xin thay đổi yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án tuyên hủy 04 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01, 02, 03, 04 cùng được ký kết ngày 08/4/2020 nêu trên, căn cứ để yêu cầu hủy hợp đồng là do phía bà Hoàng Trung T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

***Bị đơn bà Hoàng Trung T1 tại bản tự khai ngày 08/6/2023 và đơn phản tố ngày 10/6/2023 trình bày:***

Ngày 09/4/2020, bà Nguyễn Thị Phương H có vay của bà (T1) số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), 2 bên có ký giấy vay nợ. Để đảm bảo về khả năng trả nợ, bà H có ký giấy vay tiền và cam kết sẽ trả nợ khi vay được tiền của Ngân hàng bằng tài sản là bìa đỏ mang tên ông Chủ Văn Đ và bà Nguyễn Thị Phương H, với số bìa BD 881328 có diện tích 415m<sup>2</sup> tại xóm Đ, xã H, huyện (nay là thành phố) P, Thái Nguyên, đồng thời bà H cho lập hồ sơ không chuyển nhượng cho bà 51% cổ phần của công ty C, mã số doanh nghiệp A có địa chỉ tại thôn L, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Lợi dụng lòng tin của bà, kể từ thời điểm ký giấy tờ không để làm tin và lời hứa vay Ngân hàng từ giấy tờ đất nêu trên, bà H chưa từng chuyển giao các báo cáo, thông tin, tình hình hoạt động, về bản chất bà không hề biết công ty C hoạt động trong Ngành hay lĩnh vực gì. GCNQSD đất nêu trên đã vay được Ngân hàng hay đã bán bà cũng không hề có thông tin. Vì vậy, bà khẳng định việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần là giả tạo, mục đích chính chỉ là để làm tin cho việc trả nợ số tiền mà bà H đã vay bà. Ngoài ra, các chữ ký mang tên ông Chủ Quang T2, đại diện theo pháp luật của công ty C là con trai của bà H ở các hồ sơ chuyển nhượng đều là do bà H tự ký. Do vậy, việc bà H, ông Đ, anh T, chị H1 khởi kiện yêu cầu bà phải thanh toán số tiền mua cổ phần là không có căn cứ, không đúng sự thật. Tại phiên tòa ngày hôm nay, các đồng nguyên đơn đều có đề nghị xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên hủy 04 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần được ký cùng ngày 08/4/2020 bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền bà H còn nợ, bà đã nhiều lần liên lạc đề nghị bà H trả tiền nhưng bà H chưa trả. Để đảm bảo quyền lợi của cá nhân, kính đề nghị Tòa án giải quyết: Xác minh mảnh đất tại thửa số 107, TĐĐ I, xóm Đ, phường H, TP P của ông Chủ Văn Đ và bà Nguyễn Thị Phương H đã được Ngân hàng cho vay hay

chưa, hoặc bà Nguyễn Thị Phương H đã chuyển nhượng mà không trả nợ vay theo cam kết; Buộc bà Nguyễn Thị Phương H trả cho bà số tiền vay là 350.000.000đ và tiền lãi từ khi vay cho đến khi trả nợ xong, theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty C:** Tại đơn đề nghị ngày 04/8/2023 có yêu cầu bà T1 bồi thường thiệt hại cho công ty với số tiền 15.000.000.000đ (*mười lăm tỷ đồng*). Lý do, bà Thu m cổ phần của bà H, ông Đ, anh T, chị H1 nhưng chậm trả tiền cho những người này, dẫn tới không có tiền để trả cho Ngân hàng đúng hạn, do vậy không được Ngân hàng tiếp tục giải ngân khoản tín dụng 96 tỷ đồng; sau khi được bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT bà T1 đã không thực hiện nhiệm vụ tổ chức các hoạt động kinh doanh dẫn tới hoạt động kinh doanh của công ty G, yếu kém. Tại phiên tòa, ông T2 đề nghị Tòa án không giải quyết trong vụ án này, Công ty sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên có quan điểm:***

***Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*** Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, giữa người chưa phải là thành viên của công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng cổ phần với thành viên công ty, được quy định tại khoản 3 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là bà Hoàng Trung T1 có địa chỉ tại phường T, thành phố T, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên thụ lý và giải quyết là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

***Về thời hiệu khởi kiện:*** Ngày 04/8/2020, bà Nguyễn Phương H; ông Chủ Văn Đ, chị Nguyễn Thị H1 và anh Lại Văn T là những cổ đông của công ty C lập hợp đồng chuyển nhượng cổ phần sở hữu của mình tại công ty cho bà Hoàng Trung T1. Tại Điều 2 của các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần các bên thoả thuận: "*phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản; Thời hạn thanh toán: Tại thời điểm các bên ký hợp đồng này*", tuy nhiên sau khi ký xong hợp đồng bà T1 không thực hiện việc thanh toán tiền bán cổ phần, cho rằng quyền lợi của mình bị xâm hại, ngày 14/4/2023 bà H, ông Đ, anh T, chị H1 làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Thu thanh t tiền theo thoả thuận trong hợp đồng chuyển nhượng cổ phần là nằm trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

***Về việc chấp hành pháp luật:*** Trong thời gian chuẩn bị xét xử Tòa án đã thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổ chức họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo, tổng đạt các quyết định triệu tập đầy đủ và hợp lệ cho những người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do các đương sự trong vụ án không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định, đầy đủ thành phần theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Tại phiên tòa các đồng nguyên đơn đều có đề nghị xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên hủy 04 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, cùng ngày 08/4/2020. Lý do yêu cầu hủy hợp đồng là do bên nhận chuyển nhượng cổ phần đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của các đồng nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở đánh giá, các Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa bên chuyển nhượng bà Nguyễn Thị Phương H, ông Chủ Văn Đ, anh Lại Văn T, chị Nguyễn Thị H1 với bên nhận chuyển nhượng bà Hoàng Trung T1 đã đảm bảo đúng các quy định của pháp luật. Tuy nhiên phía bên người nhận chuyển nhượng cổ phần đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Hợp đồng (*tại phiên tòa bà T1 cũng thừa nhận điều này*), do vậy yêu cầu hủy Hợp đồng của các đồng nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo Điều 424 Bộ luật dân sự.

Về giải quyết hậu quả do hủy hợp đồng, do các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần C yêu cầu bà H2 Trung Thu có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho công ty số tiền 15 tỷ đồng. Do phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm đơn đề nghị Tòa án thụ lý yêu cầu độc lập và nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu này. Tại phiên tòa phía Công ty cũng không yêu cầu xem xét giải quyết, do vậy không xem xét, giải quyết.

- Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là bà Hoàng Trung T1, yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương H trả cho bà số tiền 350.000.000 đồng. Tại phiên tòa phía bà H nhất trí trả 350.000.000 đồng cho bà T1 và bị đơn bà T1 đồng ý, đề nghị Tòa án ghi nhận thỏa thuận này của các đương sự.

Do các yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn được chấp nhận, nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận, nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết:**

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, giữa người chưa phải là thành viên của công ty, nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp, với thành viên công ty, được quy định tại khoản 3 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là bà Hoàng Trung T1 có địa chỉ tại phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, do vậy Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên thụ lý và giải quyết là đúng với điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa các đồng nguyên đơn đều có đề nghị xin được thay đổi yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án tuyên hủy 04 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cùng được ký kết ngày 08/4/2020, giữa những người chuyển nhượng là các đồng nguyên đơn và người nhận chuyển nhượng là bà Hoàng Trung T1. Lý do yêu cầu hủy, là do phía người nhận chuyển nhượng bà Hoàng Trung T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của các Hợp đồng. Xét yêu cầu thay đổi này của các đồng nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, trong phạm vi giải quyết, nên được chấp nhận.

## **[2]. Về yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn:**

Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu hủy 04 Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần phổ thông số 01, 02, 03, 04 cùng ngày 08/4/2020, giữa những người chuyển nhượng bà Nguyễn Thị Phương H, ông Chử Văn Đ, chị Nguyễn Thị H1, anh Lại Văn T với người nhận chuyển nhượng là bà Hoàng Trung T1. Thấy rằng,

### **[2.1]. Về quá trình ký kết hợp đồng:**

Vào ngày 08/4/2020, bên chuyển nhượng (bên A) là bà Nguyễn Thị Phương H, ông Chử Văn Đ, chị Nguyễn Thị H1, anh Lại Văn T là cổ đông sáng lập của công ty cổ phần C, mã số doanh nghiệp: 0102649724, địa chỉ: thôn L, xã T, huyện Đ, TP Hà Nội và Bên nhận chuyển nhượng (Bên B) bà Hoàng Trung T1, sinh ngày 20/8/1989, địa chỉ Tổ A phường T, TP T, tỉnh Thái Nguyên có ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01, 02, 03, 04/HĐCNCP với nội dung: Bên A đồng ý chuyển nhượng cổ phần phổ thông và bên B đồng ý mua với giá 10.000VNĐ/cổ phần. Hợp đồng có quy định về giá trị hợp đồng, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán, quyền và nghĩa vụ của bên A cũng như bên B; Trong các Hợp đồng có đầy đủ chữ ký của những người có cổ phần chuyển nhượng và của người nhận chuyển nhượng. Do vậy các Hợp đồng đã thực hiện đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 126 Luật doanh nghiệp năm 2014 và phù hợp với các quy định tại Điều 401, Điều 406 của Bộ luật dân sự năm 2015, vì vậy có hiệu lực thi hành đối với các bên.

### **[2.2]. Về quá trình thực hiện hợp đồng:**

[2.2.1] Các đương sự đều thống nhất thừa nhận chữ ký của các bên trong hợp đồng là của họ và họ đã tự nguyện ký kết Hợp đồng, không bị đe dọa, ép

buộc. Do vậy, các Hợp đồng này đã đảm bảo các quy định của pháp luật và buộc các bên đương sự phải có nghĩa vụ thực hiện.

[2.2.2] Tại phiên tòa, các đồng nguyên đơn đều xác nhận, từ khi ký hợp đồng cho đến nay họ chưa nhận được số tiền đã chuyển nhượng cổ phần như thỏa thuận được ghi tại Điều 2 trong các Hợp đồng chuyển nhượng : “*Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản; Thời hạn thanh toán: Tại thời điểm các bên ký hợp đồng này, bên B thanh toán cho bên A tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng*”, do bên mua đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị được hủy các Hợp đồng chuyển nhượng.

[2.2.3.] Phía bị đơn (bà Hoàng Trung T1) cũng thừa nhận phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán được ghi trong Điều 2 của các Hợp đồng chuyển nhượng là đúng. Nhưng cho rằng, các Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần được ký kết cùng ngày 08/4/2020 là hợp đồng giả tạo. Các hợp đồng này được ký nhằm đảm bảo cho khoản vay 350.000.000đ của bà Nguyễn Thị Phương H là Chủ tịch HĐQT công ty C vào ngày 09/4/2020. Do vậy, bà H đã thỏa thuận với bà làm hợp đồng chuyển nhượng 51% cổ phần của công ty C gồm một phần cổ phần của bà H, toàn bộ cổ phần của ông Đ, anh T, chị H1 cho bà để làm tin, trên thực tế hai bên chỉ làm thủ tục ký kết trên giấy tờ, ngoài ra không tiến hành làm gì. Bà H chưa từng chuyển giao các báo cáo, thông tin, tình hình hoạt động của Công ty cổ phần C cho bà, về bản chất bà không hề biết công ty C hoạt động trong Ngành hay lĩnh vực gì. Việc Công ty C bổ nhiệm bà làm Chủ tịch HĐQT bà cũng không hay biết. Tại phiên tòa, bà T1 cũng xác định mình chưa thanh toán khoản tiền nào theo các Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nêu trên, bà cũng không có ý kiến gì về yêu cầu hủy Hợp đồng của các đồng nguyên đơn.

[2.2.4.] Bà T1 có cung cấp cho Tòa án 04 bản thanh lý hợp đồng chuyển nhượng cổ phần được ký ngày 10/4/2020 và đề nghị xem xét. Thấy rằng, từ các lời khai của các đương sự tại phiên tòa thì các bản thanh lý hợp đồng này không có giá trị chứng minh.

[2.3.] Theo quy định tại Điều 424 Bộ luật dân sự “*Hủy bỏ hợp đồng do chậm thực hiện nghĩa vụ*”:

1. *Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ mà bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trong một thời hạn hợp lý nhưng bên có nghĩa vụ không thực hiện thì bên có quyền có thể hủy bỏ hợp đồng.*

2. *Trường hợp do tính chất của hợp đồng hoặc do ý chí của các bên, hợp đồng sẽ không đạt được mục đích nếu không được thực hiện trong thời hạn nhất định mà hết thời hạn đó bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ thì bên kia có quyền hủy bỏ hợp đồng mà không phải tuân theo quy định tại khoản 1 Điều này.*

[2.4.] Với quy định nêu trên và lời khai của các đương sự có đủ căn cứ xác định, bà T1 đã chậm (không) thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình đối số tiền

nhận chuyển nhượng cổ phần cho bên chuyển nhượng đúng như thỏa thuận được ghi tại Điều 2 trong các Hợp đồng chuyển nhượng. Phía nguyên đơn yêu cầu hủy các hợp đồng chuyển nhượng và phía bị đơn cũng không có ý kiến phản đối. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn về việc yêu cầu hủy 04 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nêu trên do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ chấp nhận.

[2.5.] Do các bên chưa thực hiện hợp đồng và hợp đồng đã bị hủy bỏ, nên không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên. Các bên đương sự cũng không yêu cầu Hội đồng xem xét giải quyết hậu quả của Hợp đồng khi bị hủy, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Các bên đương sự có thể căn cứ vào bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[3.] Xét yêu cầu phản tố của bà Hoàng Trung T1, thấy rằng:

[3.1.] Bà Hoàng Trung T1 và bà Nguyễn Thị Phương H cùng thừa nhận, ngày 09/4/2020 hai bên có ký kết giấy vay tiền với nhau, số tiền cho bà H vay là 350.000.000 đồng, tuy nhiên theo bà H đó là tiền góp vốn không phải tiền vay.

[3.2.] Nội dung giấy vay tiền có thể hiện: bà H cam kết *“trả số tiền này ngay sau khi được giải ngân khoản vay Ngân hàng bằng bì đỏ mang tên ông Chử Văn Đ sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Phương H, địa chỉ: V- Đ- Hà Nội, với số bì BD 881328, diện tích 415m<sup>2</sup>, thửa đất số 107, TĐĐ 90, xóm Đ, xã H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nếu không thanh toán đúng hạn khoản vay trên thì chấp nhận chịu lãi suất tiền vay hiện hành tại thời điểm của Ngân hàng N”*. Do vậy xác định giao dịch thỏa thuận vay tiền ký ngày 09/4/2020 là giao dịch cam kết trả nợ và chịu lãi suất có điều kiện, theo quy định tại khoản 1 Điều 120 của Bộ luật dân sự.

[3.3.] Quá trình giải quyết, bà T1 không nộp cho Tòa án bất kỳ tài liệu nào liên quan đến điều kiện thanh toán của giấy vay tiền này. Cũng không có tài liệu nào thể hiện bà T1 đã tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ về giao dịch đối với thửa đất số 107, TĐĐ 90 xóm Đ, xã H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên mà không thu thập được.

[3.4.] Thấy rằng, căn cứ cho yêu cầu phản tố là điều kiện để bà H trả nợ là *ngay sau khi được giải ngân khoản tiền vay Ngân hàng liên quan đến thửa đất số 107, TĐĐ 90 xóm Đ, phường H* chưa được bà H2 Trung Thu thu thập và giao nộp cho Tòa án. Với điều kiện này, thì nghĩa vụ trả nợ của bà H chỉ phát sinh *ngay sau khi được giải ngân khoản tiền vay Ngân hàng*, trong trường hợp bà H không trả nợ đúng hạn thì đây là thời điểm buộc bà H phải có trách nhiệm chịu lãi. Các chứng cứ bà T1 hoàn toàn có thể thu thập hoặc yêu cầu Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai TP P cung cấp về giao dịch đối với thửa đất trên (*đăng ký giao dịch bảo đảm, chuyển nhượng, tặng cho...*) thông qua dịch vụ cung cấp thông tin về đất đai thuộc chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng đăng ký đất đai. Việc bà T1 không chủ động thu thập, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nêu trên mà đã



đề nghị Tòa án thu thập giúp là chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 6 và khoản 7 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, yêu cầu phản tố của bà T1 chưa đủ căn cứ để xem xét giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Phương H3 đã đồng ý trả cho bà T1 số tiền vay gốc là 350.000.000đ và bà T1 nhất trí, nhưng có đề nghị được thanh toán ngay.

[3.5.] Hội đồng xét xử thấy, tại phiên tòa giữa bà T1 và bà H3 đã thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ thanh toán khoản vay gốc 350.000.000đ. Xét đây là quyền tự thỏa thuận và tự định đoạt của các đương sự mà không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, nên được công nhận. Buộc bà Nguyễn Thị Phương H phải trả cho bà H2 Trung Thu số tiền vay gốc là 350.000.000đ (*ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bà T1 có đơn yêu cầu thi hành án mà bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4.] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty cổ phần C, yêu cầu bà H2 Trung Thu có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho công ty số tiền 15 tỷ đồng. Thấy rằng, Công ty không làm đơn đề nghị Tòa án thụ lý yêu cầu độc lập và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu này. Mặt khác, bà T1 chưa được xác định là cổ đông của Công ty theo quy định tại Khoản 6 Điều 127 Luật Doanh nghiệp năm 2020 việc Công ty C có văn bản bổ nhiệm bà T1 làm chủ tịch Hội đồng quản trị là không đúng quy định của pháp luật. Bà T1 cũng chưa được nhận bàn giao, tiếp cận công việc của công ty nên yêu cầu bồi thường thiệt hại này là chưa có căn cứ để xem xét, giải quyết trong vụ án này. Tại phiên tòa Công ty cũng nhất trí, sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác

[5.] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận, nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phản tố đã nộp theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Phương H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 17.500.000đ nộp ngân sách Nhà nước

[6.] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[7.] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 30; khoản 1 Điều 37; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 401, Điều 406, Điều 424 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương H, ông Chủ Văn Đ, chị Nguyễn Thị H1, anh Lại Văn T.

- Hủy các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần phổ thông số 01, 02, 03, 04 cùng ngày 08/4/2020 giữa bà Nguyễn Thị Phương H, ông Chủ Văn Đ, chị Nguyễn Thị H1, anh Lại Văn T với bà Hoàng Trung T1.

- Không xem xét giải quyết hậu quả của Hợp đồng đã bị hủy do các đương sự không yêu cầu.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Hoàng Trung T1.

- Buộc bà Nguyễn Thị Phương H phải trả số tiền vay gốc là 350.000.000đ (*ba trăm năm mươi triệu*) theo giấy vay nợ ngày 09/4/2020.

- Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bà T1 có đơn yêu cầu thi hành án mà bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương H, ông Chủ Văn Đ, chị Nguyễn Thị H1, anh Lại Văn T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ông Đ, chị H1, anh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) theo các biên lai thu số 0000263 ngày 24/5/2023, số 0000265 ngày 26/5/2023 và số 0000266 ngày 26/5/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Hoàn trả bà Hoàng Trung T1 số tiền tạm ứng án phí 8.750.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0000290 ngày 03/8/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Bà Nguyễn Thị Phương H phải chịu 17.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng 3.000.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0000262 ngày 24/5/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Bà H còn phải nộp tiếp số tiền 14.500.000đ (*Mười bốn triệu, năm trăm nghìn đồng*)

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thủy**